

Quản Lý thông tin
BTTH3

Họ và tên : Lê Hoàng Huy

MSSV : 20521392

Bài 1. Tìm hiểu các vấn đề sau trên HQT CSDL SQLServer:

A. Tổ chức dữ liệu

1. Các kiểu dữ liệu (data type) dùng cho các trường (field) và cách sử dụng nó.

Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa	Cách dùng
Kiểu số	Kiểu dữ liệu số là các số được lưu trữ trong các cột cơ sở dữ liệu.	Dùng với bit, tinyint, smallint, int, bigint, decimal, numeric, float, real,...
Kiểu ngày và giờ	dữ liệu sau để lưu trữ ngày hoặc giá trị ngày / giờ trong cơ sở dữ liệu	Dùng với date, time, datetime, timestamp, year,..

Kiểu kí tự và chuỗi	Lưu trữ các chuỗi chữ cái, số và ký hiệu. Dữ liệu ký tự có thể được lưu trữ dưới dạng chuỗi có độ dài cố định hoặc độ dài thay đổi.	Dùng với char, varchar, text,...
Kiểu kí tự Unicode và chuỗi	Dữ liệu chuỗi có kích thước cố định trong đó n xác định kích thước chuỗi theo cặp byte	Dùng với nchar, nvarchar, ntext
Kiểu nhị phân	Dữ liệu định dạng theo kiểu nhị phân hoặc hình ảnh	Dùng với binary, varbinary, image
Các kiểu dữ liệu khác	Dùng để lưu trữ dữ liệu xml, json	Như là : XML, JSON, clob, blob

2. Dung lượng (KB) tối đa của 1 row trong 1 table mà SQL Server.

- Dung lượng (KB) tối đa của 1 row trong 1 table là 8.06 KB

3. Dung lượng (KB) tối đa của 1 table mà SQL Server cho phép.

- Dung lượng (KB) tối đa trong 1 table là 8.06 KB'

4. Tìm hiểu ý nghĩa các table hệ thống (System tables)

trong CSDL Master như: Sysusers; Sysserver; Sysxlogin.

- Sysusers: SYSUSERS được cấp đặc quyền SYSDBA, cho phép người dùng thực hiện các tác vụ quản trị cấp cao như sao lưu và phục hồi hệ thống. Tài khoản này có thể thực hiện tất cả các chức năng quản trị ngoại trừ các hoạt động sau: Sao lưu và Phục hồi, Nâng cấp cơ sở dữ liệu.

- Sysserver: Có mọi quyền trên cơ sở dữ liệu

- Syslogin: Syslogins chứa thông tin trên mỗi lần đăng nhập có khả năng truy cập máy chủ SQL. Thông tin mà nó quan tâm là tên của đăng nhập.

5. Khi người dùng tạo 1 CSDL, SQL Server yêu cầu tạo ra tối

thiểu bao nhiêu file? Ý nghĩa mỗi file? Chú ý câu lệnh:

CREATE DATABASE AAA.

- Khi người dùng tạo 1 CSDL, SQL Server yêu cầu tạo ra tối thiểu 2 file.

+ 1 file dùng để lưu trữ dữ liệu của người dùng. Bất cứ khi nào người dùng thực hiện các thao tác thêm, thay đổi, hay xóa thì đều tác động đến tập tin này.

+ 1 file dùng để ghi nhận những thao tác của người dùng.

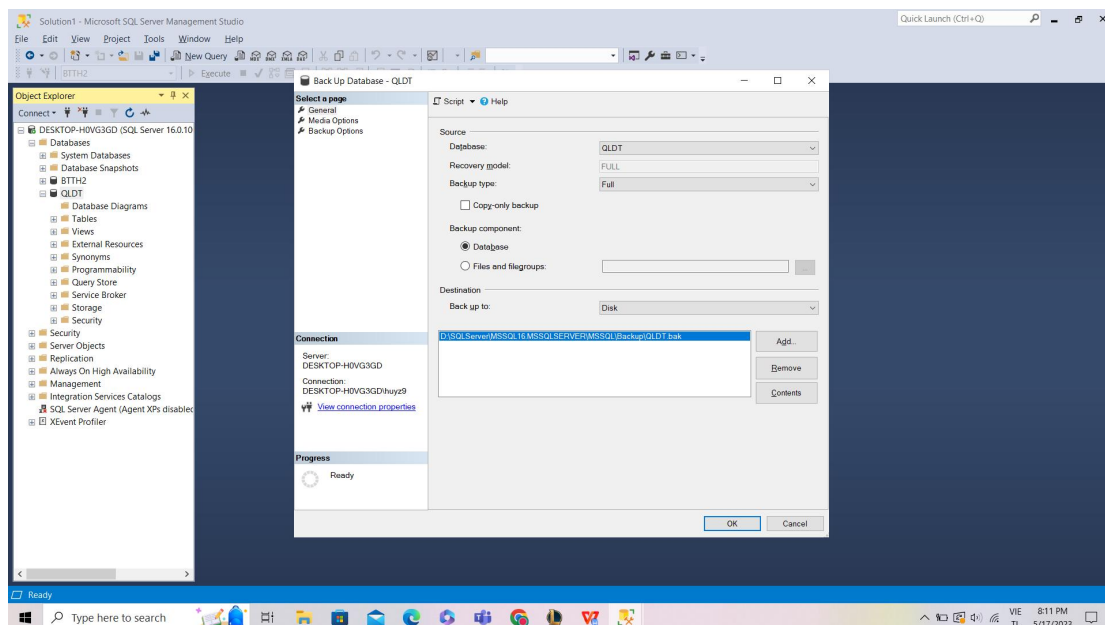
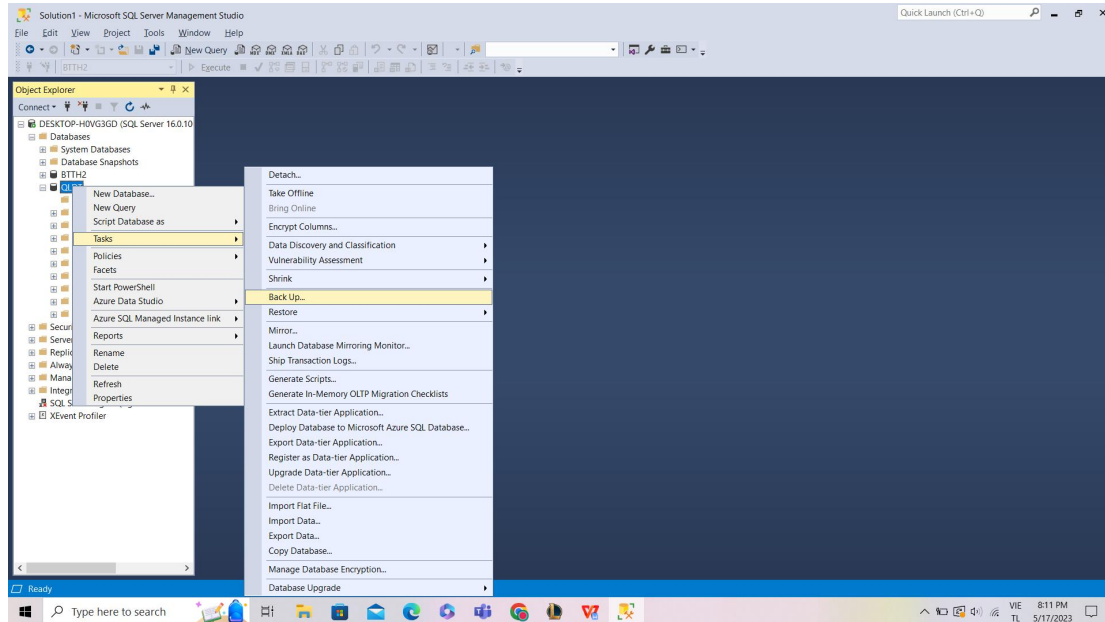
6. Số user có thể connect cùng 1 thời điểm là bao nhiêu?

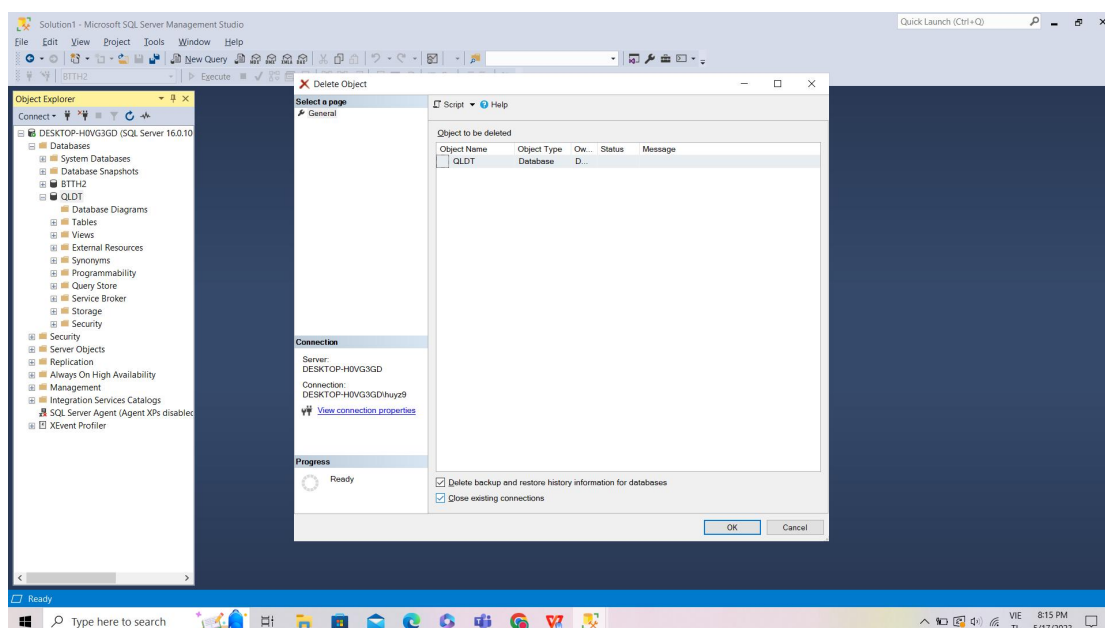
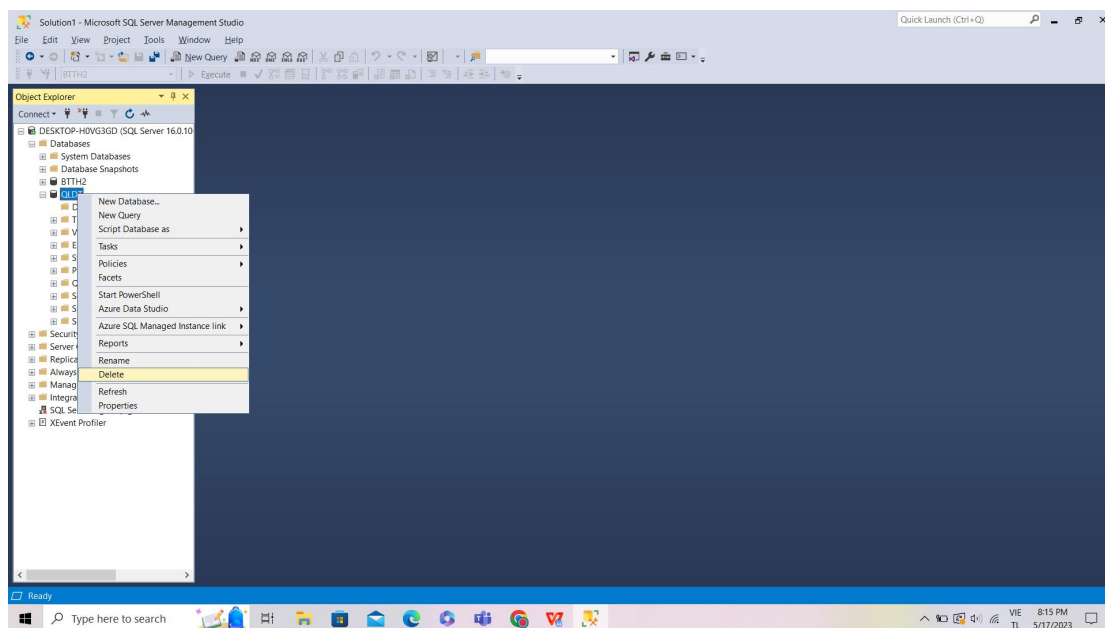
- 6. Số user có thể connect cùng 1 thời điểm là không giới hạn.

B. AN TOÀN DỮ LIỆU

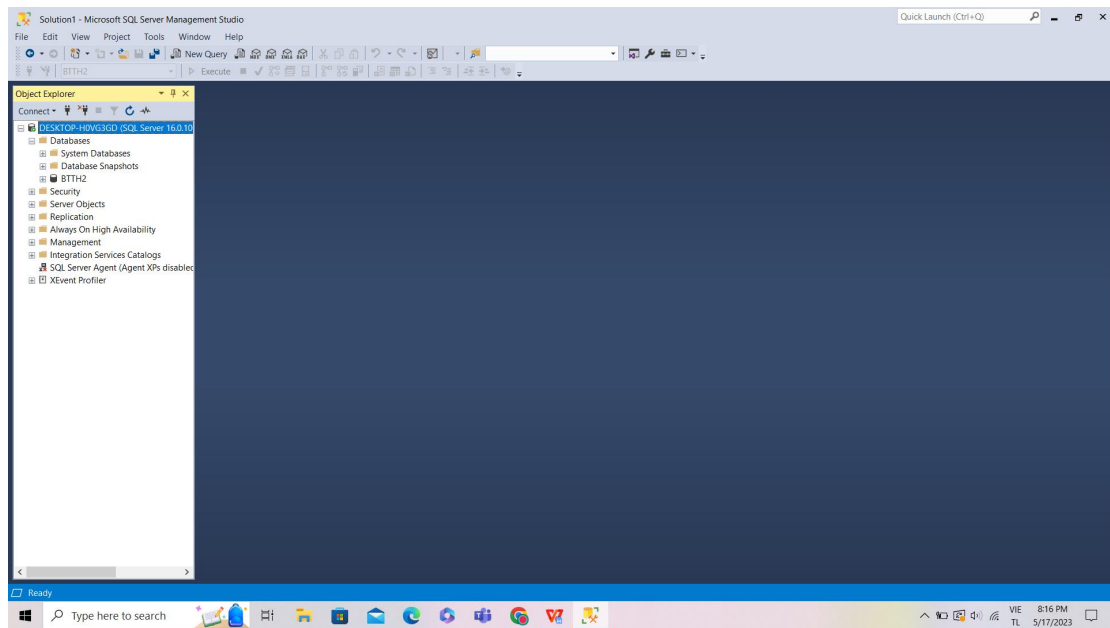
7. Hãy backup CSDL AAA thành 1 file AAA.BAK, sau đó xóa CSDL AAA và hãy khôi phục AAA nhờ vào AAA.BAK

Bước 1: Back up CSDL QLDT

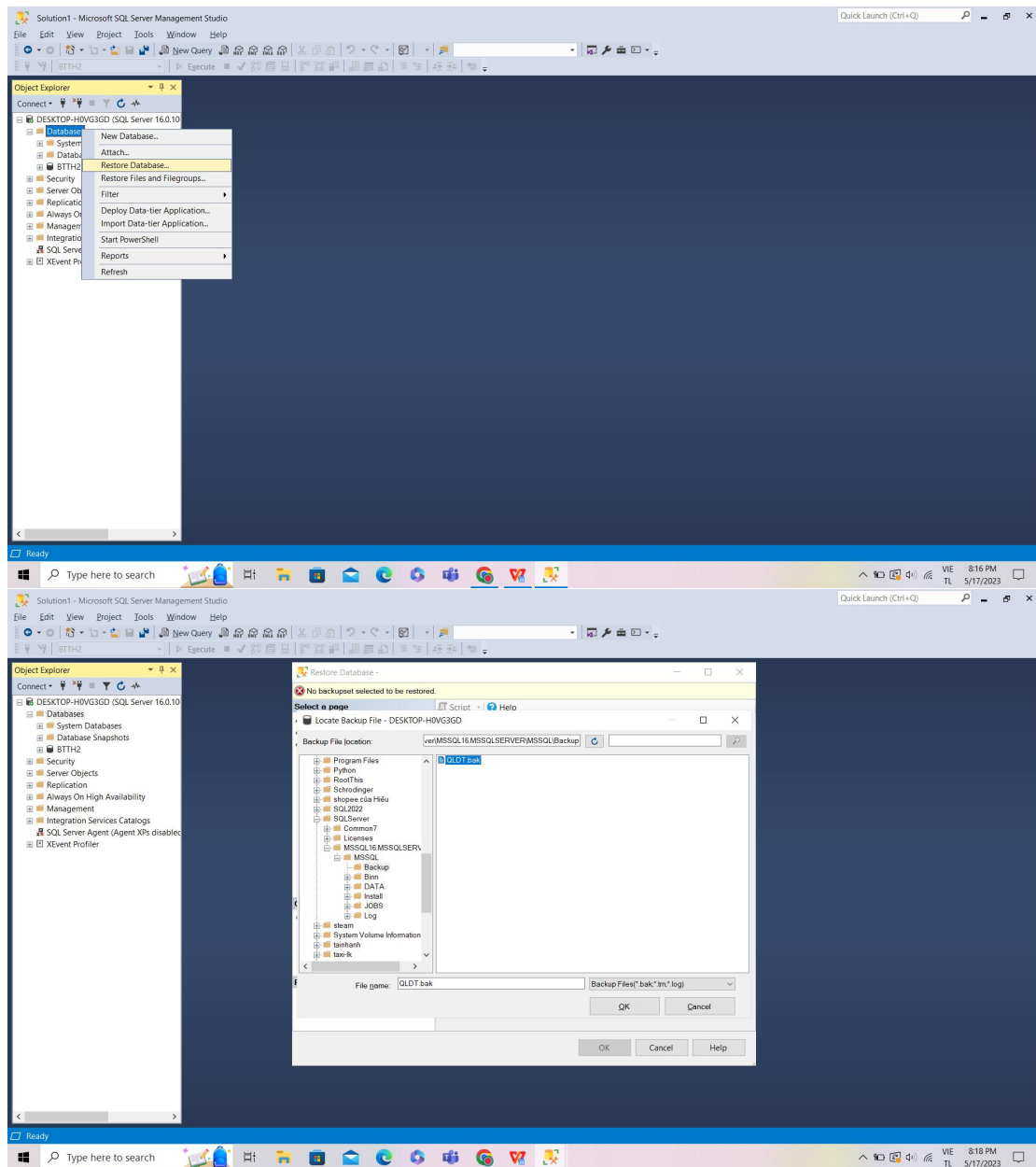


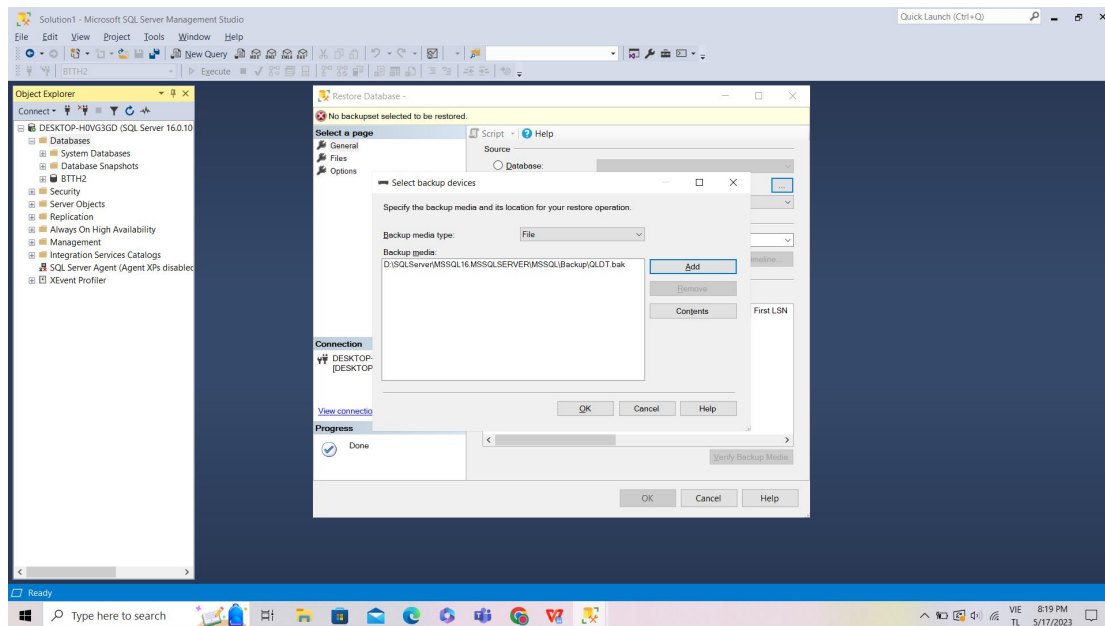


Đã xóa thành công CSDL QLDT

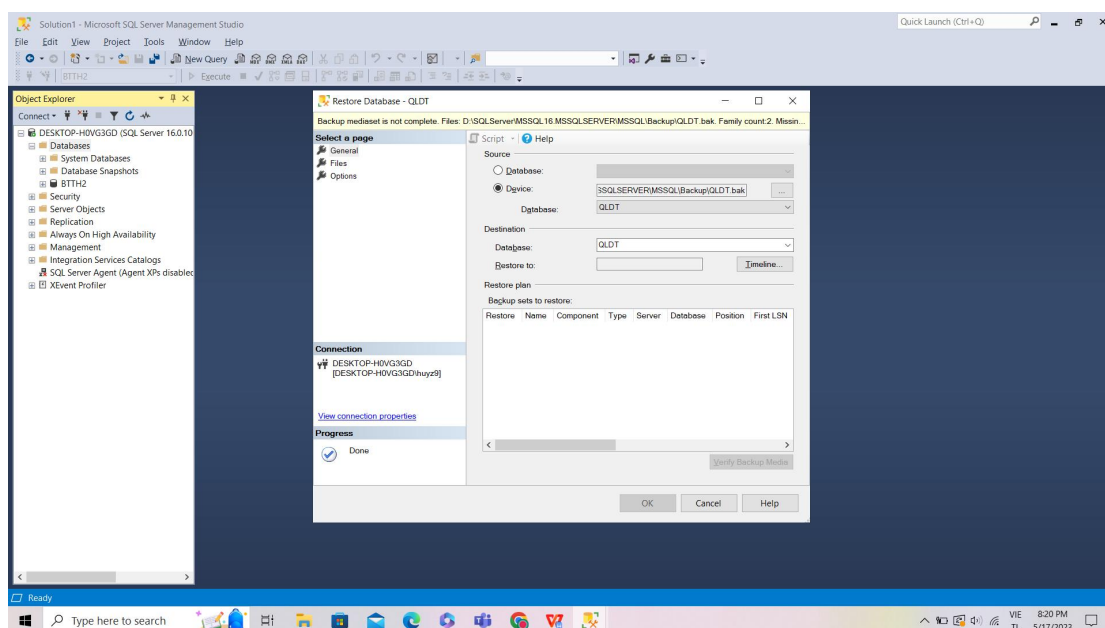


Bước 3: Restore CSDL QLDT





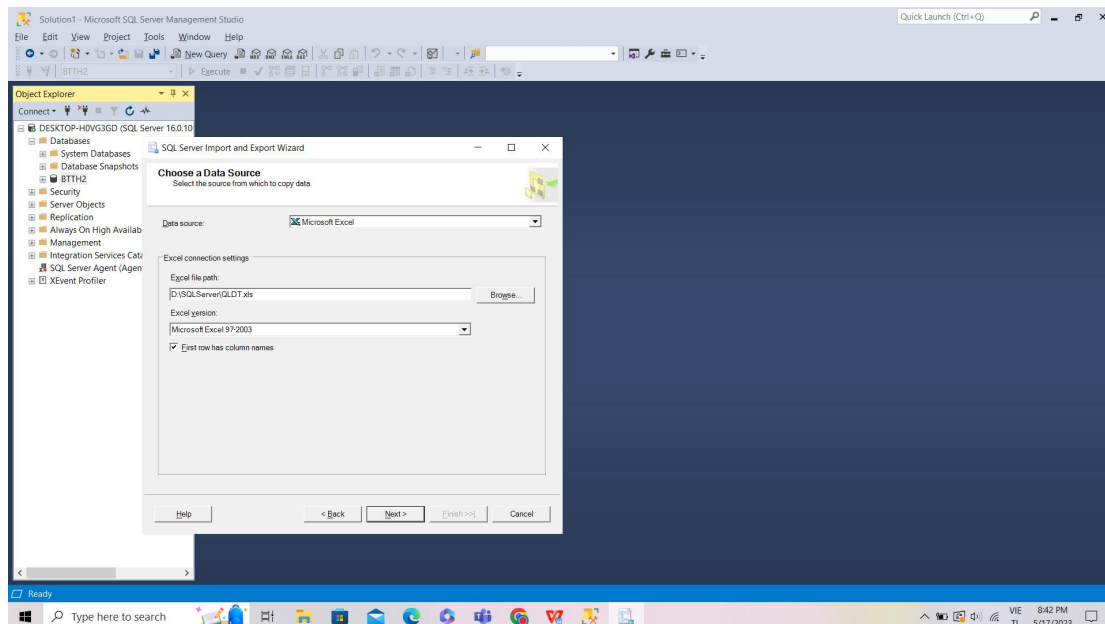
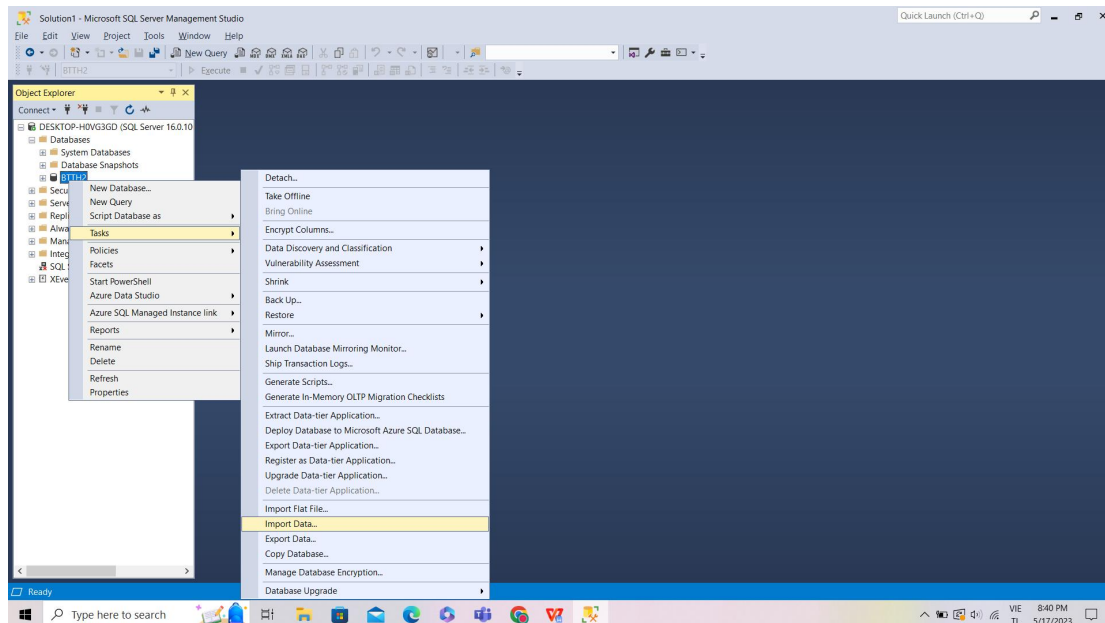
Restore thành công

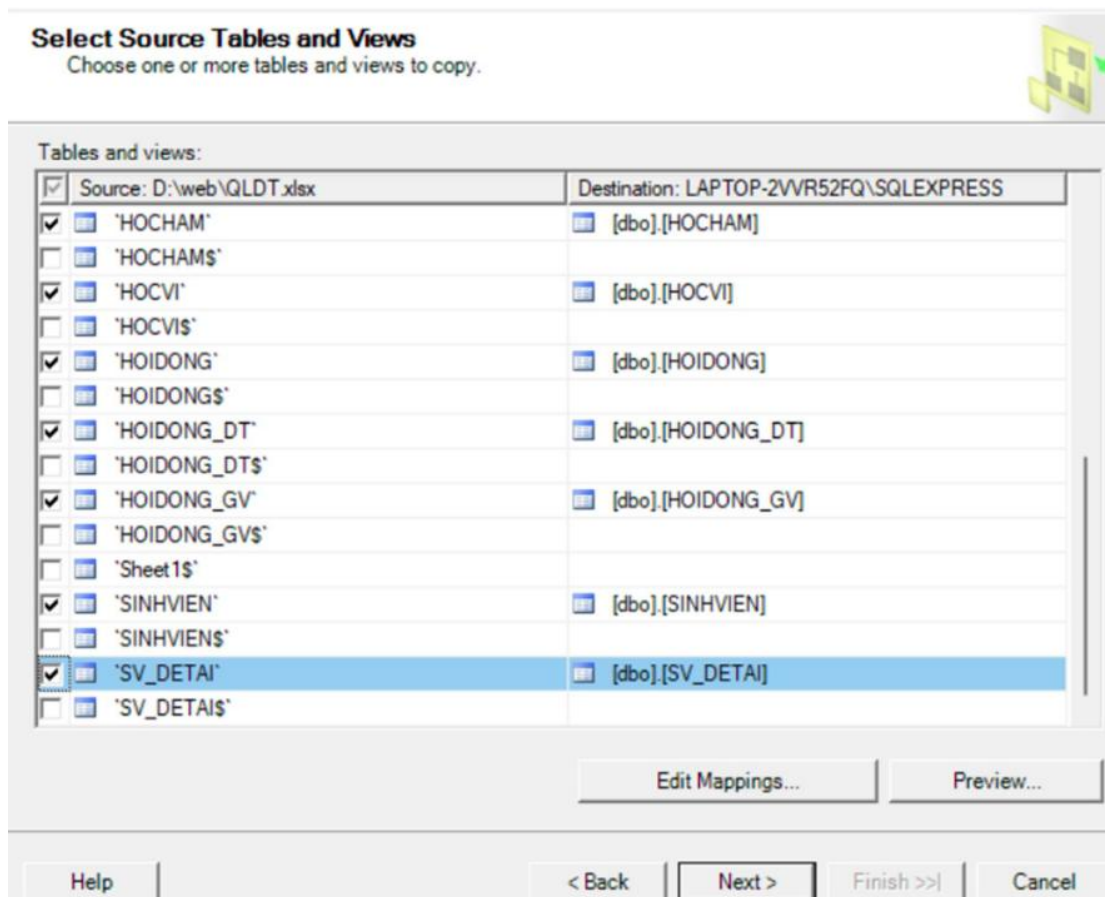
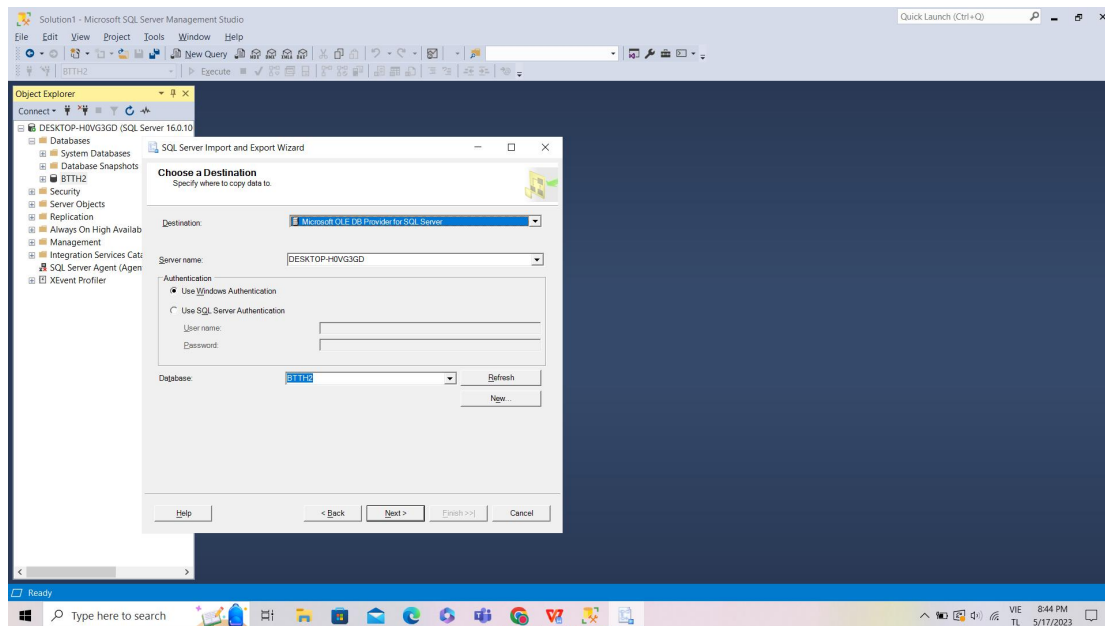


Bài 2 :

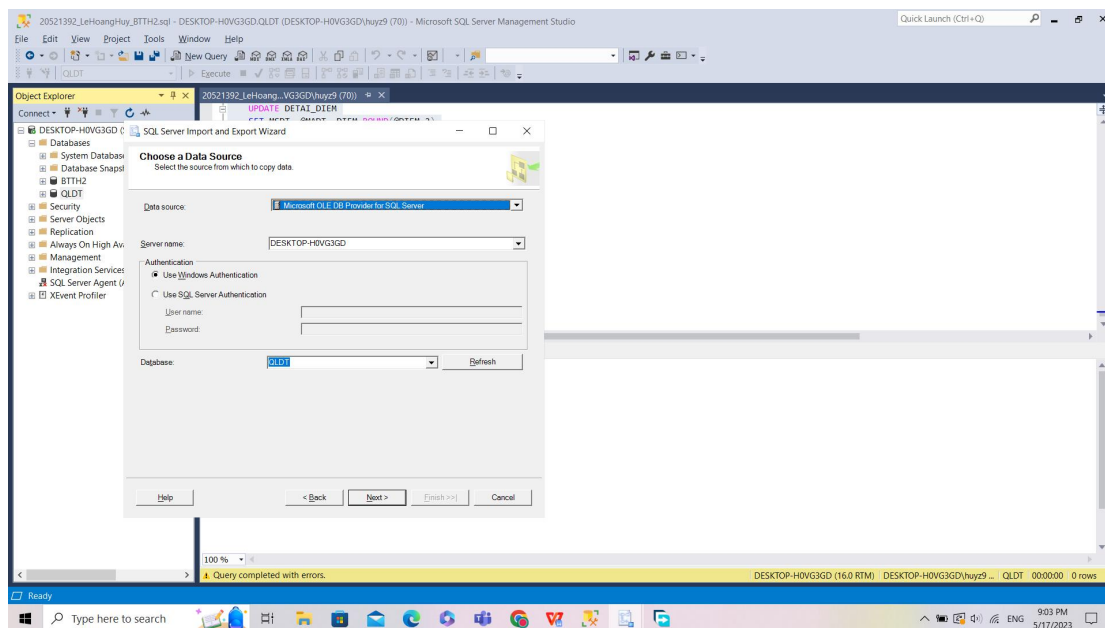
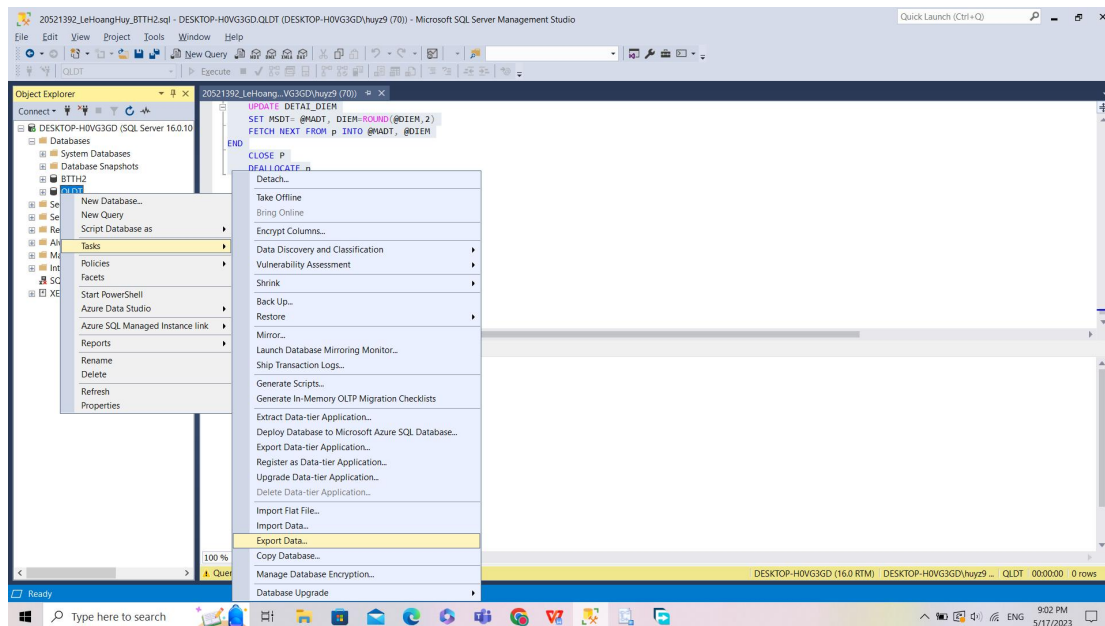
A. IMPORT và EXPORT

. Chọn 1 file dữ liệu (SV) từ excel, và import vào SQLServer





. Chọn 1 table trong SQL Server, và export tới file Excel.



Specify Table Copy or Query

Specify whether to copy one or more tables and views or to copy the results of a query from the data source.



☒ **Copy data from one or more tables or views**

Use this option to copy all the data from the existing tables or views in the source database.

☐ **Write a query to specify the data to transfer**

Use this option to write an SQL query to manipulate or to restrict the source data for the copy operation.

Select Source Tables and Views

Choose one or more tables and views to copy.



Tables and views:

<input checked="" type="checkbox"/>	Source: LAPTOP-2VVR52FQ\SQLEXPRESS	Destination: D:\web\QLDT.xlsx
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[CHUYENNGANH]	'CHUYENNGANH'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[DETAI]	'DETAI'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[DETAI_DIEM]	'DETAI_DIEM'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[GIAOVIEN]	'GIAOVIEN'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[GV_HDDT]	'GV_HDDT'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[GV_HV_CN]	'GV_HV_CN'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[GV_PBDT]	'GV_PBDT'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[GV_UVDT]	'GV_UVDT'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[HOCHAM]	'HOCHAM'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[HOCVI]	'HOCVI'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[HOIDONG]	'HOIDONG'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[HOIDONG_DT]	'HOIDONG_DT'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[HOIDONG_GV]	'HOIDONG_GV'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[SINHVIEN]	'SINHVIEN'
<input checked="" type="checkbox"/>	[dbo].[SV_DETAI]	'SV_DETAI'

[Edit Mappings...](#)[Preview...](#)

Table:

Source	Destination
[dbo].[CHUYENNGANH]	'CHUYENNGANH'
[dbo].[DETAI]	'DETAI'
[dbo].[DETAI_DIEM]	'DETAI_DIEM'
[dbo].[GIAOVIEN]	'GIAOVIEN'
[dbo].[GV_HDDT]	'GV_HDDT'

Data type mapping:

Source Column	Source Type	Destination Co...	Destination Ty...	Convert	On Error	On Truncati...
MSCN	int	MSCN	Long			
TENCN	nvarchar	TENCN	LongText			

To view conversion details, double-click the row that contains the column source type to be converted.

On Error (global)

Ignore

On Truncation (global)

Ignore




Complete the Wizard

Verify the choices made in the wizard and click Finish.

- Copy rows from [dbo].[GV_PBDT] to 'GV_PBDT'
The new target table will be created.
- Copy rows from [dbo].[GV_UVDT] to 'GV_UVDT'
The new target table will be created.
- Copy rows from [dbo].[HOCHAM] to 'HOCHAM'
The new target table will be created.
- Copy rows from [dbo].[HOCVI] to 'HOCVI'
The new target table will be created.
- Copy rows from [dbo].[HOIDONG] to 'HOIDONG'
The new target table will be created.
- Copy rows from [dbo].[HOIDONG_DT] to 'HOIDONG_DT'
The new target table will be created.
- Copy rows from [dbo].[HOIDONG_GV] to 'HOIDONG_GV'
The new target table will be created.
- Copy rows from [dbo].[SINHVIEN] to 'SINHVIEN'
The new target table will be created.
- Copy rows from [dbo].[SV_DETAI] to 'SV_DETAI'
The new target table will be created.
- The package will not be saved.
- The package will be run immediately.
















Provider mapping file : C:\Program Files\Microsoft SQL Server\150\DTS\MappingFiles\MSSqlToJet4.XML

 **Success**

25 Total
24 Success

0 Error
1 Warning

Details:

Action	Status	Message
 Initializing Data Flow Task	Success	
 Initializing Connections	Success	
 Setting SQL Command	Success	
 Setting Source Connection	Success	
 Setting Destination Connection	Success	
 Validating	Warning	Warning 0x80049304:...
 Prepare for Execute	Success	
 Pre-execute	Success	
 Executing	Success	
 Copying to 'CHUYENNGANH'	Success	4 rows transferred
 Copying to 'DETAI'	Success	6 rows transferred
 Copying to 'DETAI_DIEM'	Success	0 rows transferred
 Copying to 'GIAOVIEN'	Success	7 rows transferred
 Copying to 'GV_HDDT'	Success	5 rows transferred
 Copying to 'GV_HV_CN'	Success	6 rows transferred

Filter ▼

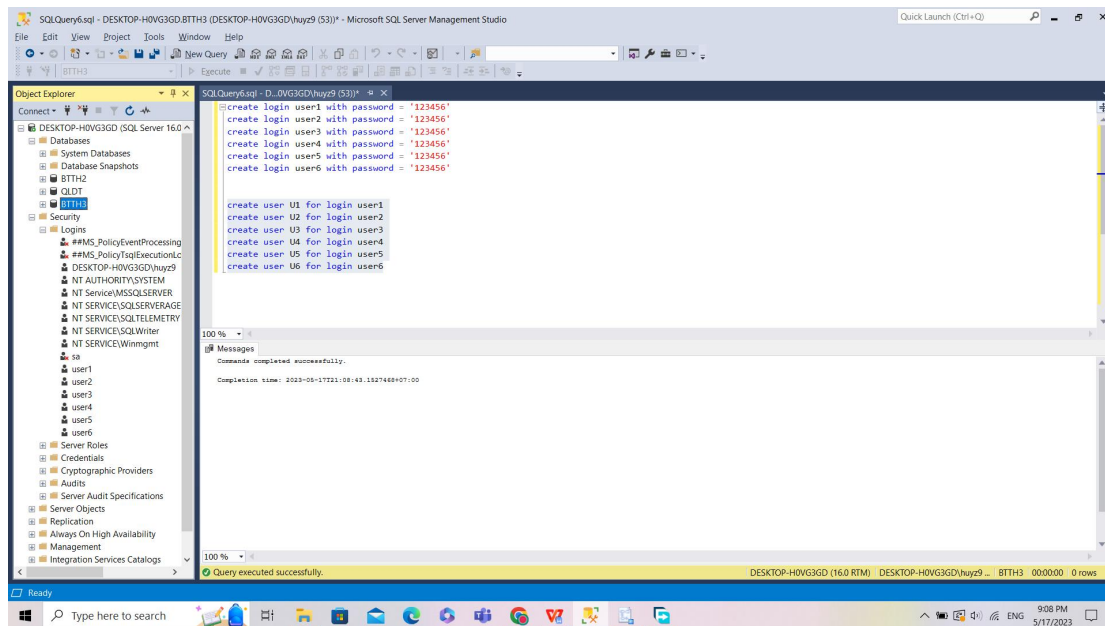
Stop

Report ▼

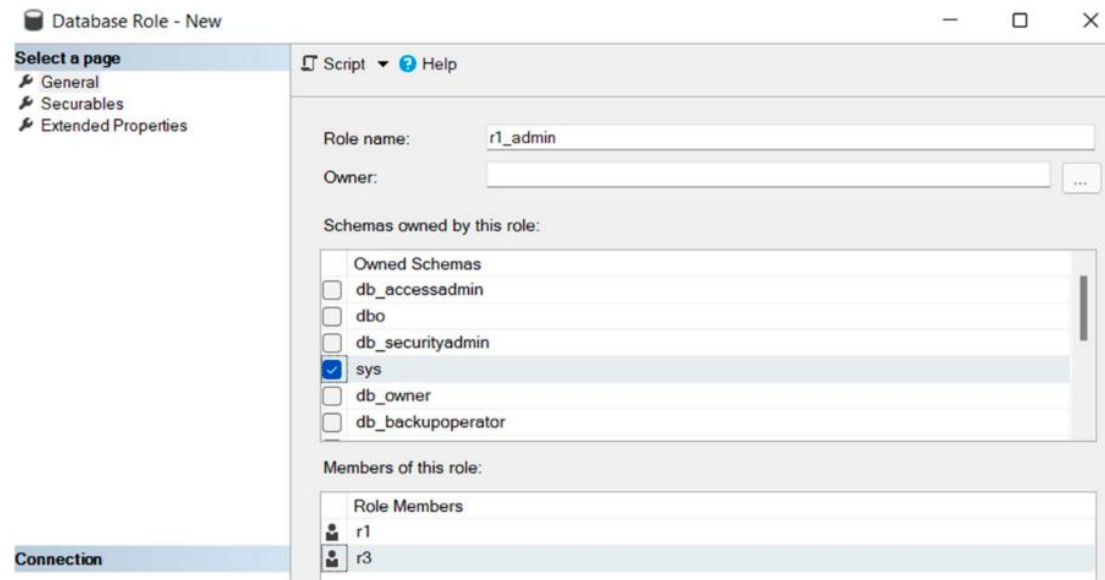
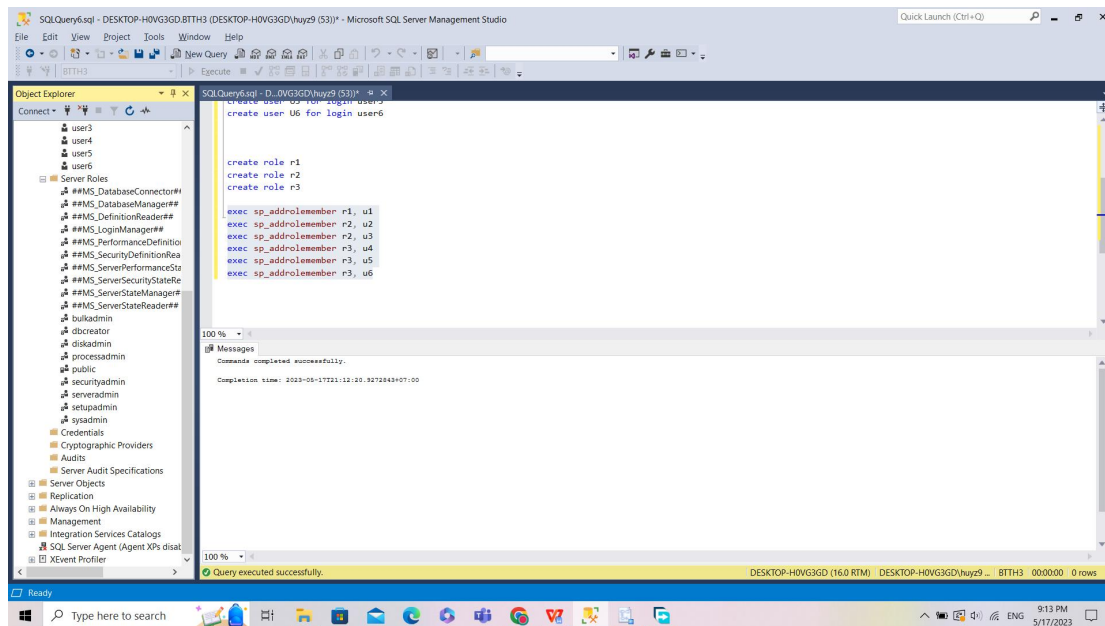
Close

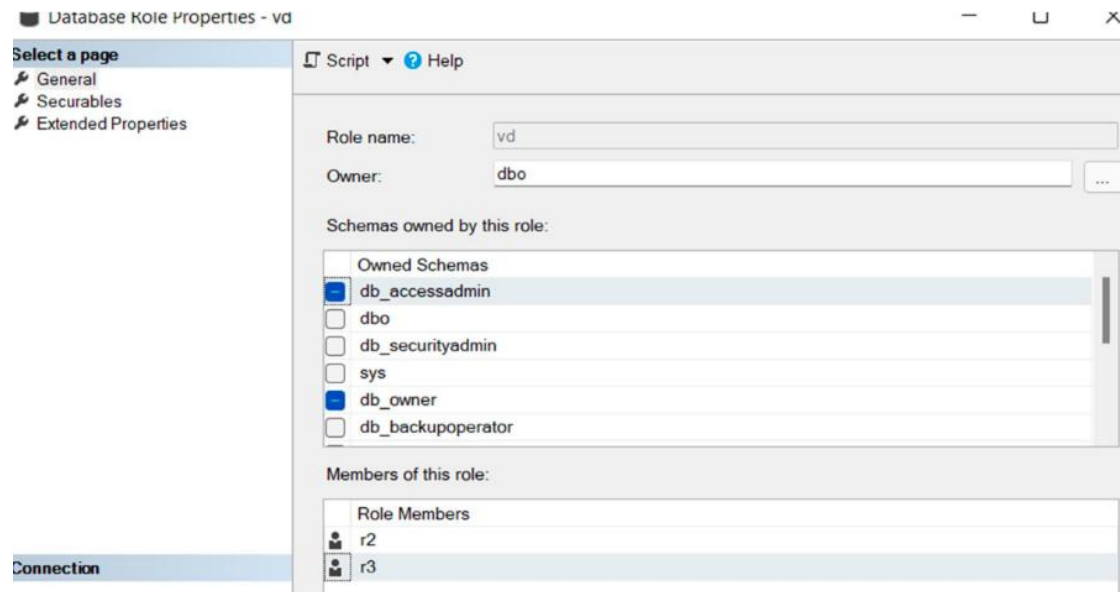
B. XÁC THỰC NGƯỜI DÙNG

- Tạo 6 user từ u1 đến u6



- Tạo 3 role từ r1 đến r3 và Tạo nhóm: u1 thuộc r1; u2, u3 thuộc r2; u4, u5, u6 thuộc r3 - Thực hiện:
- + r1 thành viên của SysAdmin
- + r2 thành viên của db_owner, db_accessadmin
- + r3 thành viên của SysAdmin, db_owner, db_accessadmin





C. PHÂN QUYỀN NGƯỜI DÙNG Tập làm các phát biểu grant, deny, revoke trên một CSDL Quản lý đề tài gồm các table T1, T2, T3. Tạo các user U1, U2, U3.

```
--U1 có quyền select, delete trên T1, T3
GRANT SELECT, DELETE ON GIAOVIEN TO U1
GRANT SELECT, DELETE ON DETAI TO U1
--U2 có quyền update, delete trên T2
GRANT UPDATE, DELETE ON HOIDONG TO U2
--U3 có quyền insert trên T1, T2, T3
GRANT INSERT ON GIAOVIEN TO U3
GRANT INSERT ON DETAI TO U3
GRANT INSERT ON HOIDONG TO U3
```

```
--U1 bị từ chối  
quyền insert trên  
T1, T2 DENY INSERT  
ON GIAOVIEN TO U1  
DENY INSERT ON DETAI TO U1  
--U2 bị từ chối  
quyền delete trên  
T3 DENY DELETE ON  
DETAI TO U2
```